TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 245/2020/HC-PT
Ngày:14/8/2020
V/v khiếu kiện: "Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Anh Dũng;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 416/2019/TLPT-HC ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5592/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Người khởi kiện*:** Ông Bùi Xuân A (Bùi Văn A), sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Quang A1 và ông Bùi Quang A2; địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

***2.Người bị kiện*:**

2.1. Chủ tịch UBND và UBND tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Q, Phó Chủ tịch UBND tỉnh H. Vắng mặt, có văn bản số 10639/UBND-TD ngày 06/8/2020 đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch UBND và UBND huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc D, Phó chủ tịch UBND huyện Z. Vắng mặt, có văn bản số 1090/UBND-TP ngày 05/8/2020 đề nghị xét xử vắng mặt.

3.1. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã X, huyện Z, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn M, Chủ tịch UBND xã X.Vắng mặt.

3.2. Các thành viên khác trong hộ gia đình người khởi kiện (Vắng mặt):

- Anh Bùi Văn H;

- Chị Nguyễn Thị L.

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện Z, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/4/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện ông Bùi Xuân A và người đại diện theo ủy quyền của ông trình bày:*

Nguồn gốc đất của gia đình ông Bùi Xuân A (tức Bùi VănA) tại thôn Y xã X thuộc thửa số 80, tờ bản đồ 05, bản đồ tuyến đường Đ, nguồn gốc sử dụng trước năm 1985 ổn định không có tranh chấp. Năm 2004 nhà nước thu hồi 463m^2 đất màu của gia đình ông A để xây dựng đường Đ, gia đình ông không được nhận quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường mà chỉ được nhận được bồi thường về đất với giá 10.000đ/m^2, số tiền đã nhận là 4.907.400đ.

Sau khi nhận tiền bồi thường, gia đình ông không biết quyền lợi của mình bị thiệt hại, đến năm 2017 nghe các hộ dân ở huyện N, tỉnh M cũng có đất bị thu hồi mà được bồi thường giá khác nên ông A cùng với 54 hộ dân ở thôn G và thôn Y và thôn Thống Nhất, xã X ủy quyền cho ông Bùi Quang A2 và ông Bùi Ngọc A1 khiếu nại về việc UBND huyện Z áp giá bồi thường cho các hộ không đúng. Tại quyết định giải quyết khiếu nại (sau đây viết tắt là QĐGQKN) số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân.

Không đồng ý với QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện Z, ông A1, ông A2 đại diện cho các hộ dân tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh H với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã X nằm ở vị trí 1 khu vực 2 nhưng UBND huyện Z xác định vị trí 3 khu vực 2 là không đúng; UBND huyện Z không bồi thường theo Quyết định số 4307/2004/UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh quy định đơn giá các loại đất trên địa bàn tỉnh H là không đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H với nội dung: Khiếu nại của ông Bùi Ngọc A1 và ông Bùi Quang A2 là không có cơ sở.

Không đồng ý với các QĐGQKN nói trên, ông Bùi Xuân A cùng với 54 hộ dân khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh H: Hủy Quyết định GQKN số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H và Quyết định GQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện Z và yêu cầu áp giá bồi thường lại cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật.

** Tại văn bản ý kiến số 7612/UBND - TD ngày 20/6/2019, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh H trình bày quan điểm:*

Ngày 30/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của của ông Bùi Ngọc A1 và ông Bùi Quang A2 đại diện cho 54 hộ dân ở xã X, huyện Z (trong đó có ông Bùi Xuân A) là đúng.

****** *Tại Biên bản đối thoại ngày 19/6/2019, Biên bản làm việc ngày 06/8/2019, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Z trình bày:*

- Về hồ sơ quản lý đất đai: Từ năm 2003 trở về trước tại khu vực thôn Y, thôn G, thôn Thống Nhất xã X không có hồ sơ quản lý đến từng thửa đất. Đến năm 2003 khi thực hiện dự án xây dựng đường Đ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới có "Sơ đồ tuyến đường Đ" tại xã X từ Km 95+600 đến Km 100, được Sở TNMT tỉnh H phê duyệt. Trên sơ đồ này phản ánh hiện trạng đường mòn Đ cũ và chỉ giới GPMB xây dựng đường Đ mới. Hiện trạng đường HCM trước khi thực hiện dự án là đường đất có chiều rộng khoảng 4-5m. Thời điểm bắt đầu kiểm kê thực hiện dự án tại xã X tháng 3/2004 (áp dụng Luật đất đai 1993 sửa đổi năm 2001), GPMB xong tháng 2/2005, thông tuyến đưa vào sử dụng năm 2007.

- Về căn cứ xác định vị trí đất và áp giá bồi thường: Tất cả các hộ đều được xác định vị trí 1 của đường loại III và áp giá theo gạch đầu dòng thứ 4 tại khoản 1, mục III của Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện Z "quy định giá các loại đất trên địa bàn huyện Z" (giá đất ở 35.000đ/$m^{2)}$. Cơ sở để UBND huyện ban hành Quyết định quy định bảng giá đất là tại Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh về việc "quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh H", tại Điều 3 giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất. UBND huyện Z đã căn cứ vào điều kiện phát triển hạ tầng của từng khu vực và nhóm các xã thành các khu vực, từ đó phân ra các loại đường để xác định giá đất.

Tại Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh, tại Điều 2 vẫn giao cho UBND các huyện tiến hành phân vùng, phân hạng, phân vị trí, phân loại đất để làm cơ sở áp giá, theo đó ngày 15/8/2005 UBND huyện ban hành Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND quy định giá đất tại thôn Thống Nhất là 40.000đ/m^2 ; thôn Y và thôn G là 22.000đ/$m^{2.}$

- Về việc phê duyệt bồi thường: Dự án xây dựng đường HCM tại huyện Z do UBND tỉnh phê duyệt bồi thường tại các Quyết định: số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004; số 4025/QĐ-CT ngày 24/12/2004; số 457/QĐ-UBND ngày 15/02/2005; và số 526/QD-CT ngày 23/02/2005. UBND huyện Z không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, UBND huyện chỉ tham gia thành viên Ban GPMB trình UBND tỉnh ký và trực tiếp chi trả đền bù, sau khi có khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện ban hành QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018.

Hiện nay có 54 hộ dân đang khiếu kiện chưa đồng ý với giá bồi thường về đất, trong đó hộ ông Bùi Xuân A bị thu hồi diện tích đất màu và HĐBTGPMB áp giá bồi thường 10.000 đ/m^2 là đúng quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

** Tại Biên bản đối thoại ngày 19/6/2019, Chủ tịch UBND xã X trình bày:* Thống nhất với quan điểm giải quyết của UBND huyện Z và bổ sung thêm: Năm 2001 đã có bản đồ tuyến và có giấy xác nhận nguồn gốc đất của địa phương thì các hộ dân mới có cơ sở để được đền bù về đất.

** Các thành viên trong hộ ông A:* Thống nhất như ý kiến của ông Bùi Văn A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ vào: Điều 39 Luật đất đai 2003; khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004; Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

1.Bác đơn khởi kiện của ông Bùi Xuân A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z, hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc A1, ông Bùi Quang A2 và một số công dân xã X, huyện Z và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ ông Bùi Xuân A.

2. Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Bùi Xuân A. Hoàn trả ông A 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0004457 ngày 20/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Ngày 14/9/2019, ông Bùi Xuân A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông.

Đơn trình bày đề ngày 08/8/2020, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, phiên tòa đã được triệu tập lần thứ 2, đương sự được triệu tập có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp quy định Luật Tố tụng hành chính đủ điều kiện xét xử vắng mặt.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ và nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Bùi Văn A có tên trong danh sách các hộ dân kèm Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H. Ngày 22/11/2018, ông A khởi kiện đề nghị hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện Z và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 204 Luật đất đai và khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự được triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính đủ điều kiện xét xử phúc thẩm vắng mặt.

[2] Chủ tịch UBND huyện Z và Chủ tịch UBND tỉnh H thụ lý giải quyết khiếu nại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại Điều 18; Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Khoản 4 Điều 56 Luật đất đai năm 2003 quy định: *"...Giá đất do Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định được công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 hàng năm, được sử dụng làm căn cứ để tính thuế sử dụng đất, ..., bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ..."*. Tại thời điểm này Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh H chỉ quy định khung giá đối với đất nông nghiệp cao nhất là 9.800đ/m^2, thấp nhất là 870đ/m^2; đất vườn là 18.000đ/m^2. Tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện Z quy định về giá đất nông nghiệp giữ nguyên mức giá như Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND.

Theo biên bản kiểm đếm ngày 15/11/2004 và 26/3/2004, hộ gia đình ông Bùi Xuân A bị thu hồi 363m^2 và 132m^2 đều là đất màu thuộc thửa 80, tờ bản đồ số 5, bản đồ tuyến đường Đ (BL54,55,56,57). Hộ ông A xác nhận đã nhận bồi thường tháng 2/2005 với đơn giá 10.000.000đ/m^2 tổng số tiền đã nhận 4.907.000đồng.

Do vậy, ông A yêu cầu áp dụng đơn giá theo biểu số 7 tại Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh (160.000đ/m^2) là không phù hợp, vì biểu số 7 quy định giá đất ở nông thôn và tại thời điểm thu hồi đất Quyết định 4307 chưa có hiệu lực thi hành, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ.

[4]Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Z và Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh H đã không chấp nhận khiếu nại của ông Bùi Ngọc A1, ông Bùi Quang A2 đại diện cho một số công dân xã X, huyện Z trong đó có ông Bùi Xuân A, là có căn cứ, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông A đề nghị huỷ quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên và bác yêu cầu được áp giá bồi thường lại cho gia đình là đúng. Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn A.

[5] Về án phí: Ông A sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt biệt khó khăn nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Bùi Văn A. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Bùi Văn A.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 14/8/2020.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Ngô Anh Dũng **Vũ Minh Tuấn** **Phan Thị Vân Hương**